

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA5



LILAMA5., JSC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2017

BỈM SƠN, THÁNG 04 NĂM 2018

Tên công ty: Công ty cổ phần Lilama5

Năm báo cáo: 2017

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần LILAMA5 (LILAMA5.,JSC)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 002A/BXD-TCLĐ cấp ngày 27/01/1993.
- Vốn điều lệ: 51.497.910.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 51.497.910.000đồng
- Địa chỉ: 179 đường Trần Phú, P.Ba Đình, TX Bỉm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa.
- Số điện thoại: 02373.824.421
- Số Fax: 02373.824.220
- Website: lilama5.com.vn
- Mã cổ phiếu: LO5

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Lilama5 là đơn vị thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam. Được hình thành vào năm 1976, tiền thân là công trường Lắp máy Thanh Hóa để lắp đặt các nhà máy: Gạch Ba Lan, Nhà máy xi măng Bỉm Sơn Thanh Hóa... Từ khi thành lập đến nay cùng với sự phát triển của đất nước Công ty đã nhiều lần đổi tên: Năm 1979 là Xí nghiệp liên hợp Lắp máy 45, năm 1993 đổi thành Xí nghiệp Lắp máy số 5, năm 1995 đổi tên thành Công ty Lắp máy và xây dựng số 5, đến năm 2006 được đổi tên thành Công ty Cổ phần Lilama5 (Sau đây viết tắt là Lilama5).

* Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần:

Thực hiện chủ trương đổi mới và sắp xếp lại các Doanh nghiệp Nhà nước. Năm 2006 Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5 được chuyển thành Công ty cổ phần Lilama5 theo Quyết định chuyển Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần, theo quyết định số 667/QĐ-BXD ngày 17/04/2006 của Bộ Xây dựng. Số đăng ký kinh doanh 2603000439 ngày 15/ 6/ 2006 đăng ký lần đầu, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 01/08/2016 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp.

- Vốn điều lệ của Công ty là: **51.497.910.000đồng trong đó:**
- Vốn thuộc sở hữu nhà nước: **51%** (Tổng công ty Lắp máy Việt Nam nắm giữ)
- Vốn thuộc sở hữu của các cổ đông khác: **49%**

* Niêm yết:

Cổ phiếu Công ty cổ phần Lilama 5 được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HXN) với:

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Lilama5
- Mã chứng khoán: LO5

Số lượng cổ phiếu niêm yết :5.149.791 Cổ phần
Tổng giá trị niêm yết :51.497.910.000 đồng

*** Các sự kiện khác: (không)**

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

■ Ngành nghề kinh doanh:

- Chế tạo và lắp đặt các thiết bị cơ khí, thiết bị đồng bộ, dây chuyền công nghệ, thiết bị lò hơi, thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực cho các nhà máy điện, điện tử công nghiệp, nhiệt điện, thủy điện, lọc hóa dầu, hóa chất, công nghiệp thực phẩm, xi măng,...

- Chế tạo và lắp đặt hệ thống đường ống áp lực, đường ống công nghệ các loại.

- Chế tạo và lắp đặt các loại bồn, bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng có dung tích lớn, các loại bình bể áp lực.

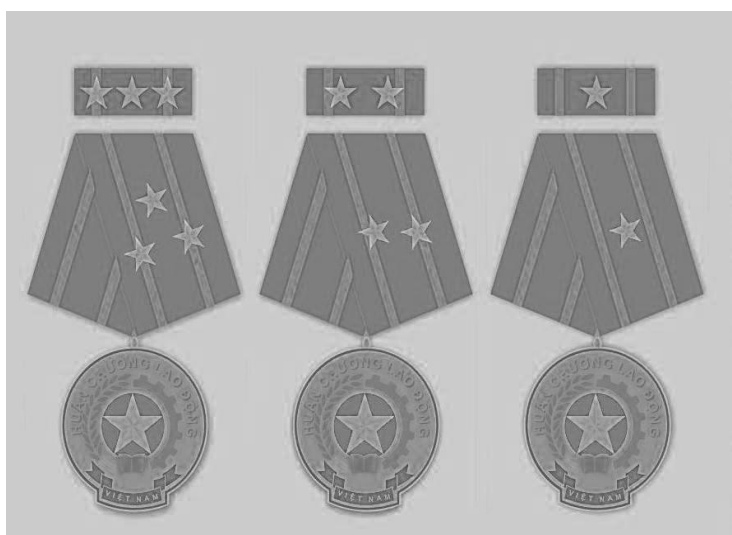
- Gia công chế tạo và lắp đặt thiết bị, kết cấu thép cho các công trình công nghiệp.

- Lắp đặt thiết bị điện, đường dây, trạm phân phối, trạm biến áp thuộc các công trình công nghiệp và dân dụng.

- Sửa chữa bảo trì, bảo dưỡng và vận hành chạy thử các nhà máy xi măng, nhiệt điện,...

■ Tình hình hoạt động:

Gần 40 năm xây dựng, trưởng thành và phát triển, Công ty cổ phần Lilama5 đã đạt được nhiều thành tích to lớn góp phần vào sự nghiệp xây dựng đất nước, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý:



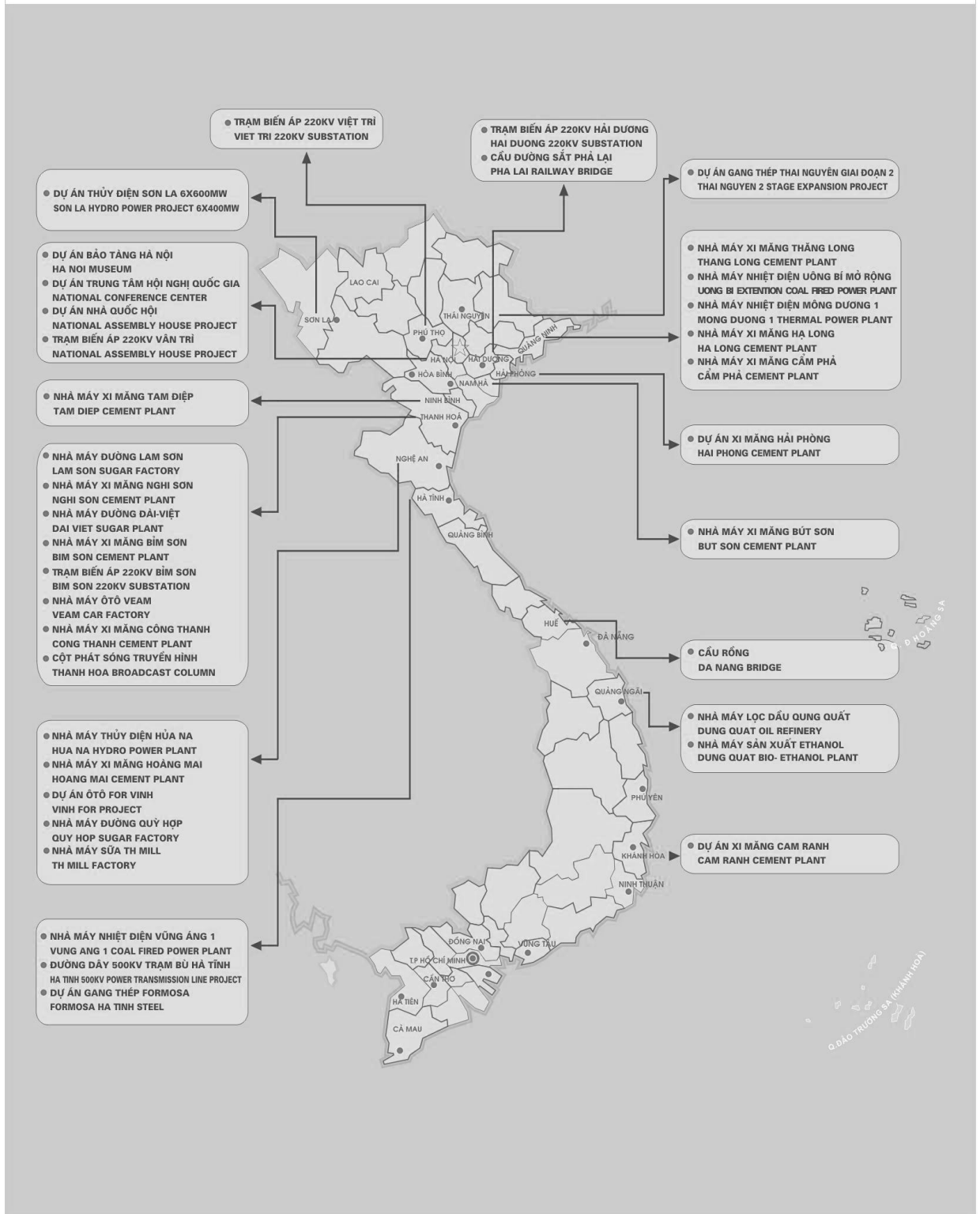
■ 1 Huân chương lao động hạng nhất

■ 2 Huân chương lao động hạng nhì

■ 3 Huân chương lao động hạng ba

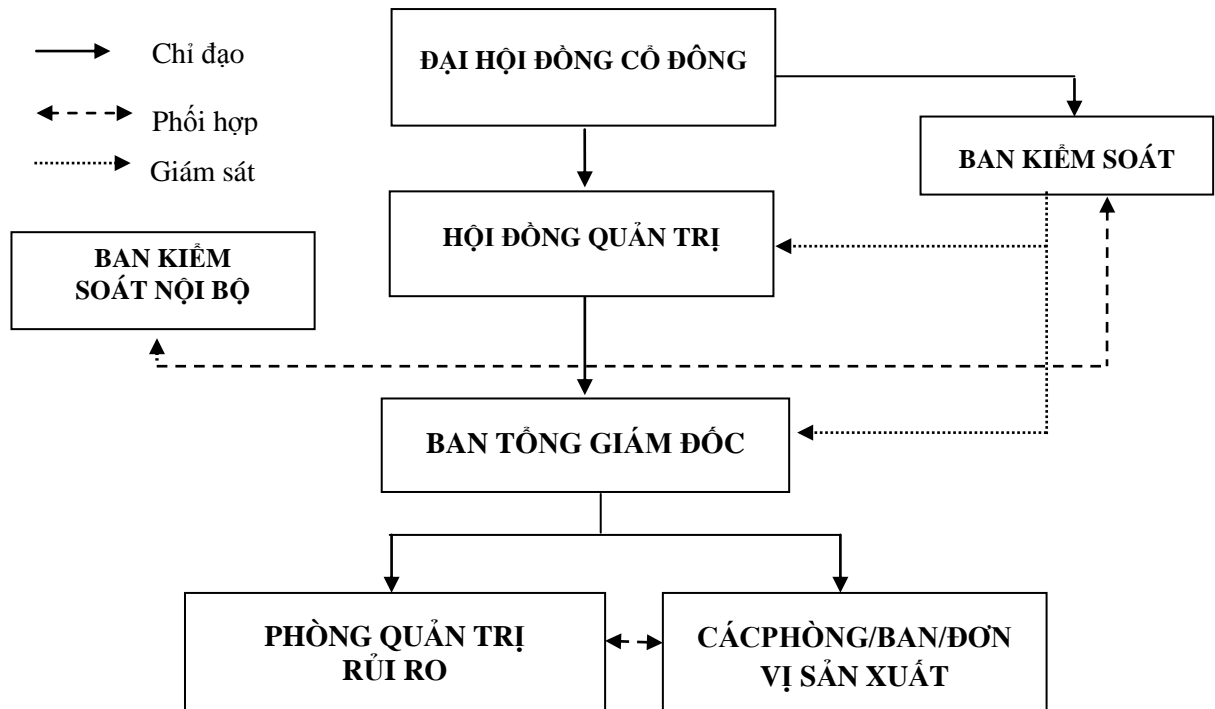
■ 4 Huy chương vàng chất lượng ngành xây dựng

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH LỚN ĐÃ VÀ ĐANG THI CÔNG



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

- **Mô hình quản trị:** Theo sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty như sau:



- **Công ty con, Công ty liên kết:** Không có.

4. Định hướng phát triển:

■ Mục tiêu tổng quát:

Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu LILAMA, củng cố, tích tụ lực lượng sản xuất để tạo ra sự thay đổi về chất về quy mô Công ty, nâng cao năng lực, thực hiện Tổng thầu (EPC) chuyên nghiệp tầm cỡ trong nước chuyên sâu về lĩnh vực điện (Điện than, Thủy điện, Phong điện, Điện khí, Điện khác..)

Tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất trong lĩnh vực bảo trì, bảo dưỡng các Nhà máy sản xuất công nghiệp và xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp.

Xây dựng Lilama5 trở thành một Công ty có quy mô vừa, có trình độ công nghệ, quản lý phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn và có tính chuyên nghiệp trong ngành nghề kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với khoa học công nghệ, nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Phát triển tập trung vào theo các ngành nghề chính đã lựa chọn, Lilama5 sẽ phải sắp xếp các phòng ban, đơn vị và phân công chuyên môn hoá, tập trung vào chuyên ngành phù hợp với năng lực, sở trường, kinh nghiệm và xây dựng quy mô đủ lớn để tạo ra lợi thế cạnh tranh.

■ Mục tiêu cụ thể:

Định hướng ngành nghề kinh doanh chính trong giai đoạn 2016-2020 của Lilama5 được tập trung, chuyên sâu Tổng thầu (EPC) về lĩnh vực điện (Điện than,

Thủy điện, Phong điện, Điện khí, Điện khác..) và duy trì hoạt động sản xuất trong lĩnh vực bảo trì, bảo dưỡng các Nhà máy sản xuất công nghiệp và xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp.

Tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính là thế mạnh truyền thống của Công ty, những ngành nghề có tầm quan trọng chiến lược, có tiềm năng tăng trưởng và có lợi nhuận cao. Mặt khác hướng tới những khách hàng có tiềm năng về tài chính, có khả năng thanh khoản cao. Đổi mới công nghệ sản xuất, xây dựng và vận hành mô hình quản lý phù hợp để nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí sản xuất để đạt hiệu quả sản xuất trong kinh doanh và lợi nhuận cao nhất.

Lilama 5 xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, hấp dẫn, Sắp xếp bố trí nhân sự vào các vị trí công việc phù hợp, kết hợp thực hiện cơ chế lương, thưởng hợp lý, gắn với hiệu quả công việc tạo ra sự hứng thú, lôi cuốn người lao động gắn bó với Công ty.

Đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nhân viên Công ty.

5. Các rủi ro (Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty):

Lilama5 phải xây dựng các hệ thống, quy trình quản lý các rủi ro riêng lẻ trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

- Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế
- Rủi ro về lãi suất và dự phòng tài chính
- Rủi ro về lạm phát và tỷ giá hối đoái
- Rủi ro về cạnh tranh
- Rủi ro về thanh toán

II. Tình hình hoạt động trong năm 2017:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2017:

TT	Chi tiêu chính	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Ghi chú
1	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	460,610	
2	Doanh thu	Tỷ đồng	314,096	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,436	
4	Nợ ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	15,986	

2. Tổ chức và nhân sự:

Danh sách Ban Điều hành:

- Ông: PHẠM ĐÌNH SAN – TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm sinh : 09/06/1969

CMND : 141649784

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư tự động hóa

Địa chỉ thường trú: Xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Cổ phiếu nắm giữ: + Cá nhân: 20.600 CP - Tỷ lệ 0,4%

+ Đại diện Nhà nước: 824.000 CP - Tỷ lệ 16%

- Ông: LƯU HUY PHÚC – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC. (Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama5 đối với ông Lưu Huy Phúc kể từ ngày 08/12/2017 để nhận nhiệm vụ mới)

Ngày tháng năm sinh : 10/09/1965

CMND : 171438932

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Địa chỉ thường trú: SN 04, Đường Bùi Thị Xuân, Khu phố 5, Phường Ba Đình, Thị xã Bỉm sơn, Tỉnh Thanh Hoá

Cổ phiếu nắm giữ: + Cá nhân: 32.548 CP - Tỷ lệ: 0,632%

- Ông: ĐINH THÀNH LÊ – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm sinh : 02/02/1974

CMND : 164088677

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư nhiệt điện

Địa chỉ thường trú: Huyện Từ Liêm - TP Hà Nội

Cổ phiếu nắm giữ: + Cá nhân: 8.662 CP - Tỷ lệ: 0,169%

- Ông: NGUYỄN HỒNG HẠ – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm sinh : 08/05/1975

CMND : 172649041

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí chế tạo máy

Địa chỉ thường trú: Khu phố 6, Ba Đình, Bỉm Sơn, Thanh Hoá.

Cổ phiếu nắm giữ: + Cá nhân: 4.511CP - Tỷ lệ: 0,088%

- Ông: PHẠM VĂN HOÀN – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm sinh : 23/02/1974

CMND : 161982208

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí chế tạo máy

Địa chỉ thường trú: Thành Phố Vinh – Nghệ An

Cổ phiếu nắm giữ: + Cá nhân: 5.994CP - Tỷ lệ: 0,0117%

- Ông: NGUYỄN TUẤN NGỌC – TVHĐQT KIỂM KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày tháng năm sinh : 19/05/1981

CMND :171718757

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính Ngân hàng.

Địa chỉ thường trú: SN35/9 Tô Vĩnh Diện, P. Điện Biên, TP Thanh Hóa

Cổ phiếu nắm giữ: + Cá nhân: 0 CP

+ Đại diện Nhà nước: 772.500 CP - Tỷ lệ 15%

- Những thay đổi trong ban điều hành năm 2017:

Ngày 07/12/2017 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 ban hành Nghị quyết số: 108/NQ-HĐQT về việc: Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama5 đối với ông Lưu Huy Phúc kể từ ngày 08/12/2017 để nhận nhiệm vụ mới.

- Tình hình lao động và chính sách đối với người lao động:

+ Tổng số lao động, nhân viên sử dụng bình quân năm 2017 là: 856 người

+ Các chính sách đối với người lao động: Trong năm 2017 Công ty chú trọng đầu tư cho công tác đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cán bộ công nhân viên như sau:

Tổ chức đào tạo tại chỗ cho công nhân nghề hàn

Cử cán bộ công nhân viên tham gia các khóa tập huấn ngắn hạn để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật, năng lực quản lý...

Mở lớp bồi dưỡng nâng cao chuyên môn tiếng Anh cho CBCNV khối phòng ban Công ty, đối với CBCNV ở các công trình/dự án: Cử tham gia học lớp tiếng anh tại các trung tâm.

Công tác chăm lo đời sống người lao động: Công ty đã quan tâm, chăm lo cải thiện điều kiện sinh hoạt, làm việc của CBCNV lao động trên các công trường,

động viên kịp thời CBCNV, khắc phục những khó khăn, nâng cao năng suất lao động, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động, thanh toán tiền lương kịp thời, tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thân thể, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác cho người lao động theo đúng quy định hiện hành.

3. Tình hình đầu tư, hình thức thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn: Công ty chưa có

b. Công ty con, Công ty liên kết: Công ty chưa có:

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
Tổng giá trị tài sản	488.438.369.161	521.348.961.361
Doanh thu thuần	341.714.383.653	314.096.255.552
Lợi nhuận trước thuế	404.401.437	436.597.541
Lợi nhuận sau thuế	323.521.150	349.278.033

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,01	1,00	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,60	0,61	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,85	0,85	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	5,55	5,95	
3. Chỉ tiêu về năng lực			
+ Vòng quay hàng tồn kho	1,91	1,67	
+ Doanh thu thuần /Tổng tài sản	0,70	0,60	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,09	0,11	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,43	0,47	

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,07	0,07	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	0,16	0,15	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành : 5.149.791 cổ phần

Số cổ phần chuyển nhượng tự do : 5.149.791 cổ phần

Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP : 2.626.500 cổ phần (51%)

Các cổ đông khác : 2.523.291 cổ phần (49%)

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu:

Năm 2006 Vốn điều lệ của Công ty là: 10.000.000.000 đồng

Thực hiện tăng vốn lần 1 (Thời gian 20/5/2009 – 30/6/2009): Công ty tăng vốn điều lệ lên: 50.000.000.000 đồng thông qua phát hành thêm 4.000.000 cổ phiếu (Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) cho các đối tượng: Cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên Công ty, nhà đầu tư bên ngoài doanh nghiệp.

Năm 2016 thực hiện theo Nghị quyết số : 62/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 26/04/2016 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2016. Công ty cổ phần Lilama 5 đã tăng vốn điều lệ từ **50.000.000.000 đồng** lên **51.497.910.000 đồng** thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 là 3% năm.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm 1.425 tấn gồm sắt thép và nguyên vật liệu khác phục vụ chế tạo thiết bị cơ khí.

b. Khoảng 0,25% nguyên vật liệu trong năm được tái chế, tái sử dụng.

6.2. Tiêu thụ năng lượng trực tiếp và gián tiếp: 216.000 KW

1.2. Tiêu thụ nước: Để đảm bảo đủ nước sinh hoạt phục vụ cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Lilama5 đã sử dụng nguồn nước đối với khối phòng ban

nguồn nước sạch do Thị xã Bỉm Sơn cấp. Đối với đội công trình tùy theo đặc điểm của từng dự án có thể nước giếng khoan, mua nước sạch tại tỉnh/dự án cấp.

1.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường : Công ty cổ phần Lilama5 luôn luôn chấp hành các quy định về công tác quản lý và bảo vệ môi trường. Do vậy trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty chưa bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

1.4. Chính sách liên quan đến người lao động :

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động : Trong năm 2017 Công ty cổ phần Lilama5 sử dụng bình quân lao động là : 856 người. Mức lương bình quân 6.899.000 đồng/01 người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động :

Khám sức khỏe định kỳ và khám sức khỏe trào cao

Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho người lao động

Huấn luyện công tác an toàn vệ sinh lao động theo quy định Thông tư số : 27/2013/TT-BLĐTBXH ngày 18/10/2013.

1.5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương : Công ty thực hiện đầy đủ công tác an sinh xã hội tại địa phương.

III. Báo cáo đánh giá của Ban giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2016:

TT	Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Ghi chú
1	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	460,610	
2	Doanh thu	Tỷ đồng	314,096	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,436	
4	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	15,986	

Trong năm 2017, Ban Tổng giám đốc cùng với toàn thể CBCNV Công ty cùng đã cố gắng khắc phục những khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Mặt khác được sự giúp đỡ của lãnh đạo Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam, Hội đồng quản trị. Ban Tổng giám đốc đã điều hành sản xuất kinh doanh đảm bảo đúng định hướng phát triển của Công ty. Triển khai thi công đảm bảo an toàn,

đúng tiến độ, kỹ thuật, chất lượng và hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư một số dự án công trình như: Dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn; Dự án Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4; Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2; Dự án Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1; Dự án Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1; Xây lắp trạm 220 KV Nông Công; Xây lắp trạm 220 KV Phú Thọ; Sửa chữa các Nhà máy xi măng Bỉm Sơn, Tam Điệp, Hoàng Mai, Nghi Sơn và một số dự án khác.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ %
Tổng tài sản	Tỷ đồng	488,438	521,348	107%
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	384,337	426,648	111%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	104,100	94,700	91%

c. Tình hình nợ phải trả:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ %
Nợ phải trả	Tỷ đồng	413,812	446,438	108%
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	380,065	425,801	112%
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	33,746	20,637	61%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty giai đoạn 2012 -2015 và giai đoạn 2016 - 2020 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu LILAMA, củng cố, tích tụ lực lượng sản xuất để tạo ra sự thay đổi về chất về quy mô Công ty, nâng cao năng lực, thực hiện Tổng thầu (EPC) chuyên nghiệp tầm cỡ trong nước chuyên sâu về lĩnh vực điện (Điện than, Thủy điện, Phong điện, Điện khí, Điện khác..)

Tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất trong lĩnh vực bảo trì, bảo dưỡng các Nhà máy sản xuất công nghiệp và xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp.

Xây dựng Lilama5 trở thành một Công ty có quy mô vừa, có trình độ công nghệ, quản lý phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn và có tính chuyên nghiệp trong ngành nghề kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với khoa học công nghệ, nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động Công ty:

Căn cứ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2017. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty đã bám sát mục tiêu, nhiệm vụ để chỉ đạo cùng với sự nỗ lực phấn đấu, đoàn kết của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 như: Giá trị sản lượng, doanh thu, các khoản nộp ngân sách...

Thực hiện công tác thi công toàn bộ các công trình mà Công ty tham gia thi công đảm bảo chất lượng, an toàn và đúng tiến độ. Công tác thanh quyết toán và thu hồi vốn các công trình được kịp thời.

Thực hiện công tác đầu tư được thực hiện tuân thủ theo đúng quy định của Nhà nước về trình tự, thủ tục.

Công tác tài chính kế toán được thực hiện theo đúng quy chế quản lý tài chính, việc hoạch toán kế toán theo đúng chuẩn mực kế toán hiện hành. Thực hiện đúng việc chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký Hội đồng quản trị.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc.

Ban Tổng giám đốc đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị để triển khai đúng các mục tiêu, yêu cầu của Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2017. Chủ động tích cực, khắc phục những khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Chỉ đạo, giám sát việc triển khai thực hiện Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty cổ phần Lilama 5 giai đoạn 2012-2015 và giai đoạn 2016 - 2020.

Chỉ đạo, giám sát việc tái cơ cấu phần tài sản dây chuyền, máy móc, thiết bị sản xuất que hàn.

Chỉ đạo, giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018 và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

T T	Họ và tên	Chức danh	Số lượng nắm giữ CP C.ty	Tỷ lệ % biểu quyết	Ghi chú
1	Trần Văn Mão	CT HĐQT	Đại diện TCT: 1.030.000 CP	20,00%	Miễn nhiệm TVHĐQT, chủ tịch HĐQT kể từ ngày 01/12/2017
		Chuyên trách	Cá nhân: 96.150 CP	1,86%	

T T	Họ và tên	Chức danh	Số lượng nắm giữ CP C.ty	Tỷ lệ % biểu quyết	Ghi chú
2	Luu Huy Phúc	CT HĐQT	Đại diện TCT: 1.030.000 CP	20,00%	Bổ nhiệm TVHĐQT, chủ tịch HĐQT kể từ ngày 08/12/2017
		Chuyên trách	Cá nhân: 32.548 CP	0,63%	
3	Phạm Đình San	TVHĐQT	Đại diện TCT: .824.000 CP	16,00%	
		Tổng giám đốc	Cá nhân: 20.600 CP	0,400%	
4	Nguyễn Tuấn Ngọc	TVHĐQT	Đại diện TCT: .772.500 CP	15,00%	
		Kế toán trưởng	Cá nhân: 0 CP	0%	
5	Cù Minh Kim	TV HĐQT	Cá nhân: 7.725 CP	0,15%	
6	Bùi Thanh Phong	TV HĐQT	Cá nhân: 0 CP	0,00%	

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2017, Hội đồng quản trị đã thể hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chế độ chính sách của Nhà nước. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đã đưa ra định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo sản xuất kinh doanh. Do đó, đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Trong năm 2017 Hội đồng quản trị đã tổ chức họp 28 phiên họp Hội đồng quản trị bao gồm cả lấy ý kiến bằng văn bản để quyết định các nội dung chủ yếu thuộc chức trách, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị để chỉ đạo, quản lý, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tại từng phiên họp, Hội đồng quản trị đã xem xét kiểm điểm, đánh giá và có những nghị quyết chỉ đạo sản xuất kinh doanh sát với tình hình thực tế, phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị đã chủ động thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã đề ra và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

2. Ban kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng nắm giữ CP C.ty	Tỷ lệ % biểu quyết
1	Hoàng Thị Phương	Trưởng BKS	1.051	0,020%

TT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng năm giữ CP C.ty	Tỷ lệ % biểu quyết
2	Lưu Sỹ Học	Thành viên BKS	103	0,002%
3	Đào Thị Loan	Thành viên BKS	0	0,00%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2017 Ban kiểm soát tổ chức 02 cuộc họp. Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và Đầu tư, quản trị và điều hành của Công ty theo đúng Nghị quyết và Điều lệ. Ban kiểm soát Công ty đã tham gia trong tất cả các phiên họp của Hội đồng quản trị, đóng góp ý kiến theo đúng chức năng và quyền hạn của Ban kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Tổng cộng
1	Trần Văn Mão	CT.HĐQT	251.479.500	0	247.500.000
2	Lưu Huy Phúc	CT HĐQT	13.892.500	0	13.892.500
		Phó TGD	224.399.000	0	224.399.000
2	Phạm Đình San	TVHĐQT-TGD	249.434.000	36.300.000	285.734.000
3	Nguyễn Tuấn Ngọc	TVHĐQT -KTT	196.716.400	36.300.000	233.016.400
4	Cù Minh Kim	TVHĐQT	144.416.600	36.300.000	180.716.600
5	Bùi Thanh Phong	TVHĐQT	140.324.600	36.300.000	176.624.600
6	Hoàng Thị Phương	Trưởng BKS	168.000.000	0	168.000.000
7	Lưu Sỹ Học	TVBKS	0	29.040.000	29.040.000
8	Đào Thị Loan	TVBKS	95.600.400	29.040.000	124.640.400
9	Đình Thành Lê	Phó TGD	206.328.800	0	206.328.800
10	Phạm Văn Hoàn	Phó TGD	213.074.200	0	213.074.200
11	Nguyễn Hồng Hạ	Phó TGD	202.619.700	0	202.619.700
	Tổng cộng		2.106.285.700	203.280.000	2.309.565.700

a. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị Công ty theo của Luật doanh nghiệp và các quy định khác của Nhà nước.

V. Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2017 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA) đã gửi UBCK Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Công ty công bố trên Website:lilama5.com.vn/Quan hệ cổ đông.

Bỉm Sơn, ngày 05 tháng 04 năm 2018

**ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Đình Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 23

1020
CỔ
HÀNG
KIỂM
HÀNG
VIỆ
NH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 5 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần LILAMA 5 tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5 thuộc Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 05/BXD - TCLĐ ngày 02/01/1996 của Bộ Xây dựng và được chuyển đổi sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 667/QĐ - BXD của Bộ xây dựng ngày 17/4/2006 về việc chuyển Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5 thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800233448 cấp ngày 15 tháng 6 năm 2006, thay đổi lần 5 ngày 12 tháng 05 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty là:

- Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, hệ thống thông tin liên lạc, đường dây tải điện, trạm biến thế; thi công xử lý nền móng, trang trí nội thất, lắp ráp thiết bị máy móc công trình;
- Gia công chế tạo, lắp đặt và tư vấn lắp đặt dây chuyền công nghệ, kết cấu thép các công trình, thiết bị lò hơi, bình, bể chứa gas, đường ống công nghệ chịu áp lực các loại;
- Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá huỷ (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray); thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ, chống ăn mòn bề mặt kim loại;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư (gạch lát, đá ốp lát, đá xây dựng, đất đèn, que hàn), phụ tùng, cấu kiện, kim loại cho xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải; tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt thiết bị siêu trường, siêu trọng; kinh doanh bất động sản và nhà ở.

Trụ sở chính của Công ty tại 179 Trần Phú - Thị xã Bim Sơn - Tỉnh Thanh Hóa.

Vốn điều lệ của Công ty là 51.497.910.000 đồng, tổng số cổ phần là 5.149.791 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP	2.626.500	26.265.000.000	51 %
Vốn góp của cổ đông khác	2.523.291	25.232.910.000	49 %
	5.149.791	51.497.910.000	100 %

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 5

Đ/c: Số 179 Đường Trần Phú - TX Bim Sơn - Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Trần Văn Mão	Chủ tịch hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 01/12/2017
Ông Lưu Huy Phúc	Chủ tịch hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 08/12/2017
Ông Phạm Đình San	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Cù Minh Kim	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Bùi Thanh Phong	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Nguyễn Tuấn Ngọc	Thành viên hội đồng quản trị	

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Phạm Đình San	Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Thành Lê	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hồng Hạ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lưu Huy Phúc	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08/12/2017
Ông Nguyễn Tuấn Ngọc	Kế toán trưởng	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Bà Hoàng Thị Phương	Trưởng ban
Ông Lưu Sỹ Học	Thành viên
Bà Đào Thị Loan	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)- đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 5

Đ/c: Số 179 Đường Trần Phú - TX Bim Sơn - Thanh Hóa

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lilama 5 phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 03 năm 2018

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Lưu Huy Phúc

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 03 năm 2018

**TM BAN GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Đình Sơn

Số: 189/BCTC/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 5

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 5, được lập ngày 05/03/2018, từ trang 06 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 5 tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



NGÔ QUANG TIẾN

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT, số 0448-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018



TÔNG THỊ BÍCH LAN

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 0060-2018-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		426.648.745.233	384.337.935.727
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.193.243.448	3.668.495.089
1. Tiền	111	V.01	5.193.243.448	3.668.495.089
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	2.957.123.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	-	2.957.123.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		255.287.364.576	220.323.765.325
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	213.928.307.224	205.289.350.073
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1.694.167.098	1.901.617.734
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	44.039.924.675	17.507.831.939
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(4.375.034.421)	(4.375.034.421)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	165.971.398.823	157.388.552.313
1. Hàng tồn kho	141		165.971.398.823	157.388.552.313
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		196.738.386	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	196.738.386	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		94.700.216.128	104.100.433.434
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25.000.000	25.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	25.000.000	25.000.000
II. Tài sản cố định	220		81.126.309.905	88.697.943.030
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	80.633.633.169	88.136.141.894
- Nguyên giá	222		171.208.965.862	171.208.965.862
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(90.575.332.693)	(83.072.823.968)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	492.676.736	561.801.136
- Nguyên giá	225		691.243.636	691.243.636
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(198.566.900)	(129.442.500)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	1.167.547.045	708.264.793
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.167.547.045	708.264.793
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		20.000.000	20.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.02	20.000.000	20.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.361.359.178	14.649.225.611
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	12.361.359.178	14.649.225.611
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		521.348.961.361	488.438.369.161

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2017	01/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		446.438.769.072	413.812.396.748
I. Nợ ngắn hạn	310		425.801.727.939	380.065.786.230
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	63.791.710.921	39.642.522.277
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	13.531.573.749	21.901.211.852
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	6.454.980.001	2.859.035.493
4. Phải trả người lao động	314		12.920.917.899	22.074.312.965
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	28.324.004.869	1.132.033.430
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	59.476.991.800	52.610.760.185
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	241.152.736.828	239.762.156.313
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		148.811.872	83.753.715
II. Nợ dài hạn	330		20.637.041.133	33.746.610.518
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	18.509.241.133	22.755.454.730
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	2.127.800.000	10.991.155.788
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		74.910.192.289	74.625.972.413
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	74.910.192.289	74.625.972.413
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		51.497.910.000	51.497.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		51.497.910.000	51.497.910.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.031.500.000	15.031.500.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		442.200.890	442.200.890
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.553.440.407	7.293.207.779
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		35.862.959	35.862.959
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		349.278.033	325.290.785
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	1.769.635
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		349.278.033	323.521.150
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		521.348.961.361	488.438.369.161

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đặng Thị Phương Thảo

Nguyễn Tuấn Ngọc



Phạm Đình San

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng
Năm trước

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	314.096.255.552	341.714.382.653
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		314.096.255.552	341.714.382.653
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	277.900.642.012	301.344.800.823
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36.195.613.540	40.369.581.830
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	125.751.299	602.237.152
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	23.290.138.926	25.361.008.298
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.290.138.926	25.361.008.298
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	12.569.548.859	15.066.825.793
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		461.677.054	543.984.891
11. Thu nhập khác	31	VI.06	376.370.988	34.916.500
12. Chi phí khác	32	VI.07	401.450.501	174.499.954
13. Lợi nhuận khác	40		(25.079.513)	(139.583.454)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		436.597.541	404.401.437
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	87.319.508	80.880.287
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		349.278.033	323.521.150
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	68	63
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		68	63

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



Đặng Thị Phương Thảo

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Ngọc

Tổng Giám đốc



Phạm Đình San

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		7.871.772.333	(58.227.339.697)
1. Lợi nhuận trước thuế	01	436.597.541	404.401.437
2. Điều chỉnh cho các khoản		30.736.020.752	32.524.703.855
+ Khấu hao tài sản cố định	02	7.571.633.125	7.765.932.709
+ (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	05	(125.751.299)	(602.237.152)
+ Chi phí lãi vay	06	23.290.138.926	25.361.008.298
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thuế	08	31.172.618.293	32.929.105.292
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(33.203.214.637)	(56.327.469.351)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(8.582.846.510)	(18.994.994.403)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	39.861.732.534	9.409.961.352
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	2.287.866.433	892.305.227
- Tiền lãi vay đã trả	13	(23.352.754.196)	(24.984.774.129)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(311.629.584)	(1.151.473.685)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		1.125.751.299	15.044.461.252
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(557.775.900)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.000.000.000	15.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	125.751.299	602.237.152
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		(7.472.775.273)	(10.957.942.632)
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	249.158.636.828	294.404.607.957
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(256.501.212.101)	(305.232.350.589)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(130.200.000)	(130.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.524.748.359	(54.140.821.077)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.668.495.089	57.809.316.166
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.193.243.448	3.668.495.089

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Đặng Thị Phương Thảo



Nguyễn Tuấn Ngọc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần LILAMA 5 tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5 thuộc Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 05/BXD - TCLĐ ngày 02/01/1996 của Bộ Xây dựng và được chuyển đổi sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 667/QĐ - BXD của Bộ xây dựng ngày 17/4/2006 về việc chuyển Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5 thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800233448 cấp ngày 15 tháng 6 năm 2006, thay đổi lần 5 ngày 12 tháng 05 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 179 Trần Phú - Thị xã Bim Sơn - Tỉnh Thanh Hóa.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, hệ thống thông tin liên lạc, đường dây tải điện, trạm biến thế; thi công xử lý nền móng, trang trí nội thất, lắp ráp thiết bị máy móc công trình;
- Gia công chế tạo, lắp đặt và tư vấn lắp đặt dây chuyền công nghệ, kết cấu thép các công trình, thiết bị lò hơi, bình, bể chứa gas, đường ống công nghệ chịu áp lực các loại;
- Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá huỷ (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray); thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ, chống ăn mòn bề mặt kim loại;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư (gạch lát, đá ốp lát, đá xây dựng, đất đèn, que hàn), phụ tùng, cấu kiện, kim loại cho xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải; tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt thiết bị siêu trường, siêu trọng; kinh doanh bất động sản và nhà ở.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào lập báo cáo tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập trên cơ sở Ban Giám đốc đánh giá mức độ tổn thất dự kiến cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên;

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm

- Tài sản cố định khác

03 - 06 năm

Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính

Hợp đồng thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Tài sản cố định thuê tài chính được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như tài sản cố định của Công ty. Đối với tài sản cố định thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm giữa niên độ và cuối năm, là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào các tổ chức kinh tế khác, mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế đó.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

8. Nguyên tắc kế toán vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ

Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

17. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền mặt				
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn				
Cộng				
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
<i>a) Ngắn hạn</i>				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)				
<i>b) Dài hạn</i>				
- Trái phiếu				
Cộng				

(*) Tại 31/12/2017 phân loại lại khoản tiền gửi có kỳ hạn sang cầm cố, ký quỹ ngắn hạn số tiền 1,957 tỷ đồng.

3. Phải thu khách hàng	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>				
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP				
- Phải thu khách hàng khác				
<i>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>				
- Tổng công ty lắp máy Việt Nam - CTCP				
- Công ty CP Lilama 3- XN 3.1				
- Công ty CP Lilama 3.3				
- Công ty CP Lilama 45-1				
- Công ty CP Lilama 69-2				
- Công ty CP Lilama Hà Nội				
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn				
<i>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
- Công ty TNHH Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Việt				
- Công ty Cổ phần Xây lắp Hải Yến				
- Công ty TNHH Yên Thế				
- Nguyễn Hồng Hạ				
- Công ty Cổ phần thương mại và kỹ thuật A.C.T				
- Trả trước cho người bán khác				
<i>b) Trả trước người bán ngắn hạn là các bên liên quan</i>				
5. Phải thu khác				
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>				
- Phải thu khác				
- Tạm ứng				
- Ký quỹ, ký cược				
<i>b) Dài hạn</i>				
- Ký quỹ, ký cược				
Cộng				

6. Nợ xấu	Giá gốc	31/12/2017	Giá gốc	01/01/2017
		Giá trị có thể thu hồi		Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.				
+ Phải thu khách hàng	4.593.435.606	218.401.185	4.593.435.606	218.401.185
- Các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm...phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.	-	-	-	-
Cộng	4.593.435.606	218.401.185	4.593.435.606	218.401.185

7. Hàng tồn kho	Giá gốc	31/12/2017	Giá gốc	01/01/2017
		Dự phòng		Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.267.259.491	-	5.074.785.598	-
Công cụ, dụng cụ	141.398.327	-	294.333.327	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	164.241.209.755	-	151.697.902.138	-
Thành phẩm	321.531.250	-	321.531.250	-
Cộng	165.971.398.823	-	157.388.552.313	-

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu kỳ	13.064.140.772	150.580.529.828	7.282.349.808	281.945.454	-	171.208.965.862
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	13.064.140.772	150.580.529.828	7.282.349.808	281.945.454	-	171.208.965.862
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	6.913.187.226	70.236.744.833	5.788.542.709	134.349.200	-	83.072.823.968
Số tăng trong kỳ	590.091.958	6.450.617.753	437.278.114	24.520.900	-	7.502.508.725
- Khấu hao trong kỳ	590.091.958	6.450.617.753	437.278.114	24.520.900	-	7.502.508.725
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7.503.279.184	76.687.362.586	6.225.820.823	158.870.100	-	90.575.332.693
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	6.150.953.546	80.343.784.995	1.493.807.099	147.596.254	-	88.136.141.894
Tại ngày cuối kỳ	5.560.861.588	73.893.167.242	1.056.528.985	123.075.354	-	80.633.633.169

- Giá trị còn lại của TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2017: 76.810.062.202 đồng

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2017: 30.658.865.612 đồng

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu kỳ	691.243.636	691.243.636
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	691.243.636	691.243.636
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	129.442.500	129.442.500
Số tăng trong kỳ	69.124.400	69.124.400
- Khấu hao trong kỳ	69.124.400	69.124.400
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	198.566.900	198.566.900
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	561.801.136	561.801.136
Tại ngày cuối kỳ	492.676.736	492.676.736

10. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Xây dựng cơ bản dở dang	1.167.547.045	1.167.547.045	708.264.793	708.264.793
- Cải tạo nhà xưởng điều chuyển nhà máy que hàn	1.167.547.045	1.167.547.045	708.264.793	708.264.793
Cộng	1.167.547.045	1.167.547.045	708.264.793	708.264.793

11. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
- Công cụ dụng cụ phân bổ	12.361.359.178	14.649.225.611
Cộng	12.361.359.178	14.649.225.611

12. Phải trả người bán

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	63.791.710.921	63.791.710.921	39.642.522.277	39.642.522.277
- Chi nhánh Công ty TNHH Nhất Nước	5.718.780.783	5.718.780.783	5.386.247.725	5.386.247.725
- Công ty Cổ phần Công nghiệp E. Nhất	-	-	6.865.421.562	6.865.421.562
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	-	-	3.062.429.345	3.062.429.345
- Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	8.244.022.734	8.244.022.734	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Lê Bình	16.072.933.436	16.072.933.436	-	-
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	33.755.973.968	33.755.973.968	24.328.423.645	24.328.423.645
b) Phải trả người bán dài hạn	18.509.241.133	18.509.241.133	22.755.454.730	22.755.454.730
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Lê Bình	-	-	16.072.933.436	16.072.933.436
- Công ty TNHH SX Kinh doanh Minh Phục	-	-	2.113.198.127	2.113.198.127
- Công ty TNHH Xây lắp Vận tải Phục Hưng	-	-	4.569.323.167	4.569.323.167
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	3.062.429.345	3.062.429.345	-	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện Đại Dũng	6.821.115.397	6.821.115.397	-	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp E. Nhất	7.055.023.661	7.055.023.661	-	-
- Công ty Hunter Douglas Việt Nam	1.570.672.730	1.570.672.730	-	-

12. Phải trả người bán (tiếp theo)

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
c) Phải trả người bán là các bên liên quan	6.720.350.397	6.720.350.397	6.762.052.520	6.762.052.520
- Công ty TNHH Lilama 3 Dainippon Toryo	961.232.224	961.232.224	1.071.232.224	1.071.232.224
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện	830.472.447	830.472.447	830.472.447	830.472.447
- Công ty Cổ phần Lilama 3	1.639.618.504	1.639.618.504	1.639.618.504	1.639.618.504
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	141.800.000	141.800.000	141.800.000	141.800.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	3.062.429.345	3.062.429.345	3.062.429.345	3.062.429.345
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	84.797.877	84.797.877	16.500.000	16.500.000

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2017		01/01/2017	
	a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.531.573.749		21.901.211.852
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	11.301.791.225		20.050.390.995	
- Người mua trả tiền trước khác	2.229.782.524		1.850.820.857	
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	11.301.791.225		20.050.390.995	
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	11.301.791.225		20.050.390.995	

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2017
	a) Phải nộp nhà nước			
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.415.780.038	17.902.075.310	12.926.203.126	6.391.652.223
Thuế thu nhập doanh nghiệp	287.637.854	87.319.508	311.629.584	63.327.778
Thuế thu nhập cá nhân	784.593.606	248.588.940	1.033.182.546	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	270.653.168	270.653.168	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	371.023.995	1.074.017.488	1.445.041.483	-
Cộng	2.859.035.493	19.582.654.414	15.986.709.906	6.454.980.001
b) Phải thu của nhà nước				
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	196.738.386	196.738.386
Cộng	-	-	196.738.386	196.738.386

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Trích trước chi phí công trình	28.010.385.970		755.799.261
Chi phí lãi vay	313.618.899		376.234.169	
Cộng	28.324.004.869		1.132.033.430	

16. Phải trả khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	a) Ngắn hạn			
Kinh phí công đoàn	1.741.301.137		1.077.824.470	
Các khoản bảo hiểm phải nộp	3.620.609		3.620.609	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	57.732.070.054		51.529.315.106	
+ Dư có tạm ứng, phải trả khác	56.002.054.759		49.843.907.042	
+ Phải trả khác	1.730.015.295		1.685.408.064	
Cộng	59.476.991.800		52.610.760.185	

17. Vay và nợ thuê tài chính	Giá trị	31/12/2017		Tăng	Giảm	01/01/2017	
		Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ			Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	241.152.736.828	241.152.736.828	247.182.736.828	245.792.156.313	239.762.156.313	239.762.156.313	
+ Vay ngắn hạn	239.046.636.828	239.046.636.828	245.076.636.828	245.661.956.313	239.631.956.313	239.631.956.313	
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Sầm Sơn ⁽¹⁾	49.830.379.546	49.830.379.546	55.860.379.546	46.134.827.437	40.104.827.437	40.104.827.437	
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bim Sơn ⁽²⁾	189.216.257.282	189.216.257.282	189.216.257.282	199.527.128.876	199.527.128.876	199.527.128.876	
+ Vay dài hạn đến hạn trả	2.041.000.000	2.041.000.000	2.041.000.000	-	-	-	
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bim Sơn	2.041.000.000	2.041.000.000	2.041.000.000	-	-	-	
+ Nợ thuê tài chính đến hạn trả	65.100.000	65.100.000	65.100.000	130.200.000	130.200.000	130.200.000	
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam	65.100.000	65.100.000	65.100.000	130.200.000	130.200.000	130.200.000	
b) Vay dài hạn	2.127.800.000	2.127.800.000	4.082.000.000	12.945.355.788	10.991.155.788	10.991.155.788	
+ Vay dài hạn	2.041.000.000	2.041.000.000	4.082.000.000	12.880.255.788	10.839.255.788	10.839.255.788	
- Tổng Công ty Lắp máy Việt nam - CTCP ⁽³⁾	-	-	-	10.839.255.788	10.839.255.788	10.839.255.788	
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bim Sơn	2.041.000.000	2.041.000.000	4.082.000.000	2.041.000.000	-	-	
+ Nợ thuê tài chính dài hạn	86.800.000	86.800.000	-	65.100.000	151.900.000	151.900.000	
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại Thương VN	86.800.000	86.800.000	-	65.100.000	151.900.000	151.900.000	

c) Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Kỳ này		Kỳ trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê
- Từ 1 năm trở xuống	82.405.750	17.305.750	154.666.750	24.466.750
- Trên 1 năm đến 5 năm	90.380.500	3.580.500	162.343.125	10.443.125
- Trên 5 năm	-	-	-	-

Thông tin chi tiết cho các khoản vay và nợ

⁽¹⁾ Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sầm Sơn theo hợp đồng số 50201/2017-HĐTD/NHCT422-LONGPHUI ngày 28/02/2017 hạn mức tín dụng 40.000.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất thả nổi. Các khoản vay đều vay bằng đồng Việt Nam và có tài sản đảm bảo. Tài sản đảm bảo là các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty theo hợp đồng thế chấp số 10120001/HĐTC ngày 12/01/2010, hợp đồng thế chấp số 08120019 ngày 16/1/2008, hợp đồng thế chấp số 508004-Q/2016-HĐTC/NHCT422-LONGBIEN ngày 30/08/2016, hợp đồng thế chấp số 508005-Q/2016-HĐTC/NHCT422-VINH TAN4 ngày 30/08/2016, hợp đồng thế chấp số 501202-Q/2016-HĐTC/NHCT422-LILAMA5-VT ngày 21/12/2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

⁽²⁾ Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bim Sơn theo hợp đồng số 01/2017/295277/HĐTD ngày 02/10/2017 hạn mức tín dụng 200.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất thả nổi. Các khoản vay đều vay bằng đồng Việt Nam và có tài sản đảm bảo. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu của Công ty theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 01/07/HĐ ngày 16/11/2007, số 01/07/HĐ ngày 14/12/2007, số 01/2016/295277/HĐBĐ ngày 02/03/2017 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (nếu có) được ký kết giữa Chi nhánh ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Bim Sơn và Công ty CP Lilama 5.

⁽³⁾ Vay dài hạn Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP theo hợp đồng số 240915/TCT-LILAMA5 ngày 24/09/2015 về việc hỗ trợ trả nợ thay khoản vay đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất vật liệu hàn Lilama.

18. **Vốn chủ sở hữu***a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác chủ sở hữu	LNST chưa PP và các quỹ	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	50.000.000.000	15.031.500.000	442.200.890	8.828.750.373	74.302.451.263
Tăng vốn trong kỳ	1.497.910.000	-	-	393.016.228	1.890.926.228
Lãi trong kỳ	-	-	-	323.521.150	323.521.150
Trích các quỹ	-	-	-	69.495.078	69.495.078
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	1.497.910.000	-	-	-	1.497.910.000
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	1.567.405.078	1.567.405.078
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.567.405.078	1.567.405.078
Số dư cuối kỳ trước	51.497.910.000	15.031.500.000	442.200.890	7.654.361.523	74.625.972.413
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	609.510.661	609.510.661
Lãi trong kỳ	-	-	-	349.278.033	349.278.033
Trích các quỹ	-	-	-	260.232.628	260.232.628
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	325.290.785	325.290.785
Phân phối lợi nhuận ⁽¹⁾	-	-	-	325.290.785	325.290.785
Số dư cuối kỳ này	51.497.910.000	15.031.500.000	442.200.890	7.938.581.399	74.910.192.289

⁽¹⁾ Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển	260.232.628	đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	65.058.157	đồng
Cộng	325.290.785	đồng

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2017	01/01/2017
Vốn góp của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP	26.265.000.000	26.265.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	25.232.910.000	25.232.910.000
Cộng	51.497.910.000	51.497.910.000

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Kỳ này	Kỳ trước
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	51.497.910.000	50.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	1.497.910.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	51.497.910.000	51.497.910.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	1.497.910.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.149.791	5.149.791
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.149.791	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.149.791	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.149.791	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.149.791	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Đơn vị tính: đồng	
	Năm 2017	Năm 2016
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a) Doanh thu	314.096.255.552	341.714.382.653
Doanh thu hợp đồng xây dựng	314.096.255.552	341.714.382.653
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam- CTCP	299.896.581.084	316.270.074.452
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hoạt động xây lắp	277.900.642.012	301.344.800.823
Cộng	277.900.642.012	301.344.800.823
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	125.751.299	602.237.152
Cộng	125.751.299	602.237.152
4. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	23.290.138.926	25.361.008.298
Cộng	23.290.138.926	25.361.008.298
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	7.275.714.669	6.688.304.755
Chi phí quản lý khác	5.293.834.190	8.378.521.038
Cộng	12.569.548.859	15.066.825.793
6. Thu nhập khác		
Thu nhập khác	376.370.988	34.916.500
Cộng	376.370.988	34.916.500
7. Chi phí khác		
Chi phí khác	401.450.501	174.499.954
Cộng	401.450.501	174.499.954
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
a. Lợi nhuận trước thuế	436.597.541	404.401.437
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	-	-
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)	436.597.541	404.401.437
d. Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
e. Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành (e=c*d)	87.319.508	80.880.287
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.021.060.924	146.167.356.760
Chi phí nhân công	77.818.122.565	122.465.337.303
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.571.633.125	7.765.932.709
Chi phí dịch vụ mua ngoài	147.671.941.699	38.604.329.889
Chi phí khác bằng tiền*	13.930.740.175	21.205.906.265
Cộng	303.013.498.488	336.208.862.926

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 5

Đ/c: Số 179 đường Trần Phú - Tx. Bim Sơn - T. Thanh Hóa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	349.278.033	323.521.150
b/ Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) LN kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
c/ Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (=a+b)	349.278.033	323.521.150
d/ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (thực tế/tạm tính) trong kỳ (*)	-	-
e/ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.149.791	5.149.791
f/ Lãi cơ bản trên cổ phiếu $\{(c-d)/e\}$	68	63
g/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu $\{(c-d)/e\}$	68	63

(*) Không tính ảnh hưởng của trích quỹ khen thưởng phúc lợi khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	Thu tiền khối lượng công trình Chi phí lãi vay Gán trừ lãi vay, gốc vay, công nợ vào giá trị khối lượng hoàn thành công trình	288.640.672.643 421.953.155 19.341.233.388
2	Công ty TNHH Lilama 3 Dainippon Toryo	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Thanh toán tiền mua son	60.000.000

Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2017

TT	Bộ phận	Tiền lương	Thù lao
1	Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị	1.148.609.400	145.200.000
2	Tiền lương, thù lao Ban Kiểm soát	266.366.400	58.080.000
	Tổng cộng	1.414.975.800	203.280.000

3. Báo cáo bộ phận

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng một khu vực địa lý và loại hình kinh doanh xây lắp là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Người lập biểu


 Đặng Thị Phương Thảo

Kế toán trưởng


 Nguyễn Tuấn Ngọc

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc

